TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **130**/2019/HS-ST
Ngày: 18/12/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bích Thị Kim Pháp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Lam – Cán bộ hưu trí

2. Ông Phạm Lê Thụy – Giám đốc chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất.

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Trần Việt Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Hứa Hải Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 122/2019/TLST - HS, ngày 21 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2019/HSST-QĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Trường H (Tên gọi khác: Cồ); Giới tính: Nam; sinh năm 1986; tại tỉnh Bình Thuận; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn B, xã P, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Con ông: Nguyễn Văn A (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thu B (đã chết); Anh, chị, em ruột: không có; Vợ, con: chưa có.

Tiền án: có 01 tiền án

Tại bản án số 67/2012/HSST ngày 16/11/2012 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử Nguyễn Trường H 8 năm tù về tội Tàng trữ, mua trái phép chất ma túy. Đến ngày 23.8.2018 chấp hành xong hình phạt về cư trú tại địa phương (chưa được xóa án tích).

Tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16.9.2019 hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Tuy Phong (có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại:

1/ Bà Lê Thị U, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn T, xã P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn T, xã P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 16.9.2019, bị cáo Nguyễn Trường H đi bộ từ nhà bị cáo tại thôn B, xã P, huyện Bắc Bình ra Quốc lộ 1A bắt xe đò đến địa phận huyện Tuy Phong để tìm tài sản trộm cắp, bị cáo mang theo 02 thanh kim loại tự tạo dài 7cm có phần đầu nhọn (dùng để phá khóa xe). Bị cáo xuống xe tại khu vực nhà máy nước suối Vĩnh Hảo, đi bộ dọc Quốc lộ 1A đến xã Phú Lạc để tìm kiếm xe máy sơ hở sẽ trộm cắp, trên đường đi bị cáo nhặt được 01 con dao dài khoảng 30cm. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, bị cáo đi đến khu vực chòi rẫy cây Keo thuộc thôn Phú Điền, xã Phú Lạc thì phát hiện 04 chiếc xe mô tô đang dựng không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp xe để bán. Bị cáo đi đến xe Wave biển số 86AB-018.47 của Nguyễn Thị L đang dựng, dùng dụng cụ phá khóa xe mang theo để mở xe nhưng bị cáo mở phá khóa xe không được. Tiếp tục bị cáo dùng dụng cụ phá khóa xe đưa vào xe mô tô biển số 86B1-48.430 hiệu Sirius của Lê Thị U đang dựng gần đó thì phá được khóa xe. Bị cáo nổ máy xe 86B1-48.430 chạy đi, U phát hiện xe máy bị mấy nên gọi điện thoại cho chồng U là Nguyễn Văn Tịnh để Tịnh cùng truy tìm xe. Khi bị cáo chạy xe trộm cắp được đến cây xăng Trường Thắng thuộc thôn Tuy Tịnh 1, xã P thì bị Tịnh phát hiện bắt quả tang bị cáo cùng xe mô tô biển số 86B1-48.430. Tịnh gọi điện thoại trình báo cho Công an xã P đến đưa bị cáo về trụ sở làm việc và thu giữ tang vật chứng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 82/KL-HĐĐG ngày 23.9.2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện Tuy Phong kết luận:

- 01 chiếc xe 02 bánh hiệu Yamaha Sirius, biển số 86B1-484.30 có giá trị 18.500.000 đồng/chiếc x 90% = 16.650.000 đồng.

- 01 chiếc xe mô tô 02 bánh loại 50 nhãn hiệu Kitafu, biển số 86AB-018.47 có giá trị: 9.000.000 đồng/chiếc x 70% = 6.300.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá: 22.950.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Vẫn giữ nguyên quyết định truy tố theo cáo trạng số: 129/CT-VKS-TP, ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trường H phạm tội " Trộm cắp tài sản"

Áp dụng: Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 57, Điều 38, Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường H mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Về tang vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô biển số 86B1-484.30 cho bị hại Lê Thị U và trả lại xe mô tô biển số 86AB-018.47 cho bị hại Nguyễn Thị L. Bị hại Lê Thị U và Nguyễn Thị L không yêu cầu bồi thường về phần dân sự nên không xem xét, giải quyết.

- Đối với 02 thanh kim loại tự tạo dài khoảng 07cm có phần đầu nhọn và 01 con dao dài khoảng 30cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng có chữ SHEN-ZHOU, đầu mũi dao nhọn, cán dao bằng nhựa màu đen là công cụ phạm tôi còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa và đồng ý quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong.

Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân dân huyện Tuy Phong: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội của bị cáo:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, bị cáo khẳng định những lời khai của mình trong quá trình điều tra vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không bị bức cung, ép cung và bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng pháp luật, không oan sai. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: vào ngày 16.9.2019, bị cáo từ nhà ở huyện Bắc Bình đi xe đò đến địa phận huyện Tuy Phong để tìm tài sản trộm cắp, bị cáo mang theo 02 thanh kim loại tự tạo dài 7cm có phần đầu nhọn (dùng để phá

khóa xe). Bị cáo xuống xe tại khu vực nhà máy nước suối Vĩnh Hảo, đi bộ dọc Quốc lộ 1A đến xã Phú Lạc để tìm kiếm xe máy sơ hở sẽ trộm cắp. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, bị cáo đi đến khu vực chòi rẫy cây Keo thuộc thôn Phú Điền, xã Phú Lạc thì phát hiện 04 chiếc xe mô tô đang dựng không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp xe để bán. Bị cáo đi đến xe Wave biển số 86AB-018.47 của Nguyễn Thị L đang dựng, dùng dụng cụ phá khóa xe mang theo để mở xe nhưng bị cáo mở phá khóa xe không được. Tiếp tục bị cáo dùng dụng cụ phá khóa xe đưa vào xe mô tô biển số 86B1-48.430 hiệu Sirius của Lê Thị U đang dựng gần đó thì phá được khóa xe. Bị cáo nổ máy xe 86B1-48.430 chạy đi, Út phát hiện xe máy bị mấy nên gọi điện thoại cho chồng Út là Nguyễn Văn Tịnh để Tịnh cùng truy tìm xe. Khi bị cáo chạy xe trộm cắp được đến cây xăng Trường Thắng thuộc thôn Tuy Tịnh 1, xã P thì bị Tịnh phát hiện bắt quả tang bị cáo cùng xe mô tô biển số 86B1-48.430. Tịnh gọi điện thoại trình báo cho Công an xã P đến đưa bị cáo về trụ sở làm việc và thu giữ tang vật chứng. Vì vậy, bản cáo trạng số: 129/CT/VKSTP ngày 21/11/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, truy tố bị cáo Nguyễn Trường H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như đã viện dẫn trong cáo trạng là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Trường H là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nhưng không do sức lao động của bản thân làm ra, bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của bà Lê Thị U và Nguyễn Thị L với trị giá tài sản là 22.950.000đồng. Bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp, với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi của bị cáo đã xâm hại tới quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải tuyên phạt bị cáo bằng một mức án nghiêm khắc đủ để răn đe, giáo dục và tuyên truyền phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị đã có 01 tiền án chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Trường H đã thành khẩn khai báo với hành vi phạm tội của mình, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, trên cơ sở cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do bị cáo có nhân thân không tốt nếu cho bị cáo cải tạo bên ngoài xã hội thì bị cáo sẽ tiếp tục phạm tội.

[5] Từ phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về các tang vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự:

Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô biển số 86B1-484.30 cho bị hại Lê Thị U và trả lại xe mô tô biển số 86AB-018.47 cho bị hại Nguyễn Thị L. Bị hại Lê Thị U và Nguyễn Thị L không yêu cầu bồi thường về phần dân sự nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của pháp luật.

[8] Đối với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trường H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 57, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trường H 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 16/9/2019).

[2] Phần xử lý tang vật chứng:

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên xử: Tịch thu tiêu hủy 02 thanh kim loại tự tạo dài khoảng 07cm có phần đầu nhọn và 01 con dao dài khoảng 30cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng có chữ SHEN-ZHOU, đầu mũi dao nhọn, cán dao bằng nhựa màu đen (Vật chứng được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Tuy Phong và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong ngày 21/11/2019).

[3] Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Trường H phải nộp 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại Lê Thị U báo cho bị cáo, bị hại Út biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/12/2019); người bị hại Nguyễn Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKS (tỉnh + huyện);
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

Bích Thị Kim Pháp